



ENERGY
TRANSITION
PARTNERSHIP

Báo cáo số 11

Chuyển dịch xanh của Việt Nam
trong bối cảnh mới: Các ưu tiên
kinh tế và tài chính trong giai
đoạn 2026-2030




Environment and
Climate Change Canada
Environnement et
Changement climatique Canada



Australian Government
Department of Climate Change, Energy,
the Environment and Water

CHILDREN'S
INVESTMENT FUND
FOUNDATION



The background of the slide is a dense pattern of green leaves, likely from a tree, with detailed vein structures. The leaves are arranged in a way that they overlap and fill the entire frame, creating a natural and fresh aesthetic. The color is a vibrant, slightly dark green.

Chuyển dịch xanh của Việt Nam trong bối cảnh mới: Các ưu tiên kinh tế và tài chính trong giai đoạn 2026-2030

Tháng 11, 2025

NỘI DUNG

01

Tóm tắt chung

02

Xu hướng chuyển đổi xanh toàn cầu

03

Định vị Việt Nam trong xu hướng chuyển đổi xanh toàn cầu

04

Định hướng và khuyến nghị chính sách kinh tế - tài chính



1. TÓM TẮT CHUNG

Việt Nam đang ở giai đoạn then chốt, cam kết theo đuổi lộ trình phát triển xanh, bền vững và cạnh tranh.

- ❖ Thách thức kép: Tránh bẫy thu nhập trung bình, phát thải các-bon cao.
- ❖ Cơ hội định vị quốc gia là trung tâm của khu vực về sản xuất xanh, dịch vụ xanh và tài chính bền vững.

Những thách thức và cơ hội chính của Việt Nam



Năng lượng thâm dụng

các-bon

Sản xuất điện vẫn phụ thuộc lớn vào nhiên liệu hóa thạch



Cơ hội chiến lược

Tiếp cận nguồn tài chính khí hậu (JETP, GCF, GEF, CIF, ADB, WB), thị trường carbon trong nước, chiến lược “Trung Quốc+1”, lĩnh vực tài chính xanh mới nổi

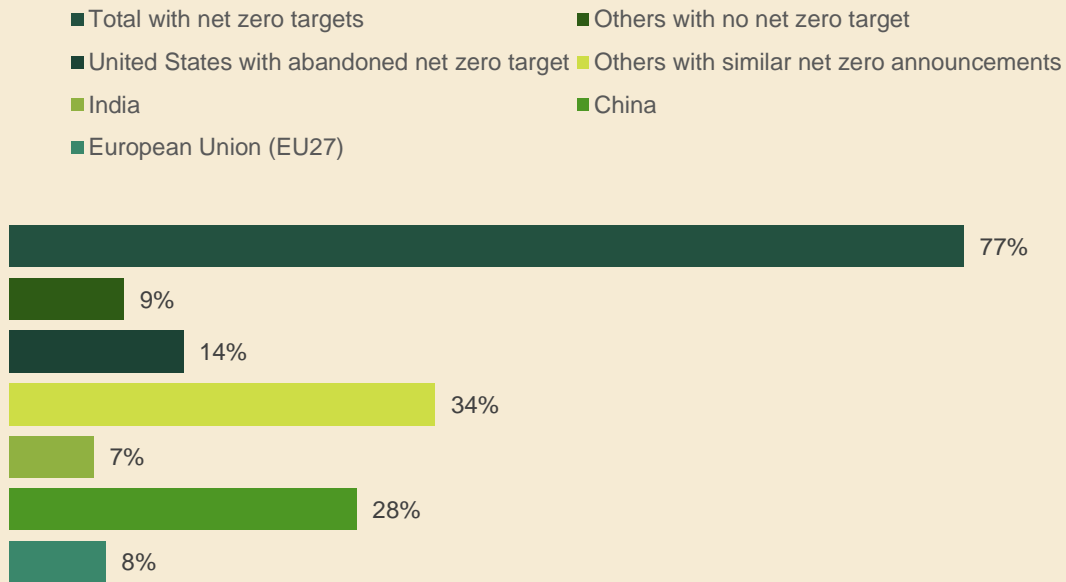


Thách thức

Hàng trăm tỷ USD đến năm 2040 (6,8% GDP mỗi năm) cho mục tiêu phát thải ròng bằng không và chống chịu với biến đổi khí hậu, khung pháp lý và thể chế, kiến trúc tài chính xanh chưa hoàn thiện, công nghệ, nguồn nhân lực, rủi ro khí hậu liên quan đến thương mại.

Bộ Tài chính đóng vai trò chủ đạo trong việc định hướng quá trình chuyển đổi này thông qua chính sách tài khóa, đầu tư công, chiến lược FDI và phát triển ngành tài chính.

2. Xu hướng chuyển đổi xanh toàn cầu



Tính đến tháng 11 năm 2025, 148 quốc gia đã công bố hoặc đang xem xét các mục tiêu phát thải ròng bằng không, phản ánh tính cấp bách ngày càng tăng do tác động của biến đổi khí hậu ngày càng trầm trọng như các đợt nắng nóng kỷ lục và các hiện tượng thời tiết cực đoan.

Các nền kinh tế lớn & Các cam kết xanh

1

Liên minh Châu Âu

Cam kết trở thành lục địa trung hòa carbon đầu tiên trên thế giới vào năm 2050.

2

Trung Quốc

Hướng tới đạt đỉnh phát thải trước năm 2030 và đạt net zero vào năm 2060.

3

Mỹ

Cam kết đạt net zero vào năm 2050, dù mức độ duy trì chính sách phụ thuộc vào các chính quyền kế nhiệm.

4

Các quốc gia tiên phong

UK, France, Japan, New Zealand đã ban hành các mục tiêu và chính sách rõ ràng hướng tới net zero vào năm 2050.

Cách tiếp cận đối với chuyển đổi xanh

Định nghĩa hẹp: Tăng trưởng xanh

Gắn liền với tăng trưởng xanh, ưu tiên các khía cạnh kinh tế và kỹ thuật: sử dụng tài nguyên hiệu quả, giảm phát thải và đổi mới công nghệ sạch để duy trì tăng trưởng đồng thời hạn chế tác hại đến môi trường.

Định nghĩa rộng: Chuyển đổi kinh tế - xã hội toàn diện

Phát triển bền vững, vượt ra ngoài các mục tiêu môi trường và kinh tế để bao gồm công bằng xã hội, chuyển đổi việc làm và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Chính sách giảm thiểu biến đổi khí hậu và chính sách thích ứng biến đổi khí hậu

Bao gồm các biện pháp, công nghệ và công cụ kinh tế - xã hội để giảm phát thải khí nhà kính. 70% nguồn tài chính khí hậu toàn cầu hướng đến giảm thiểu biến đổi khí hậu.

→ Chuyển đổi năng lượng

Ngành điện trung hòa carbon thông qua mở rộng năng lượng tái tạo, loại bỏ than đá và tiết kiệm năng lượng. Công suất năng lượng tái tạo toàn cầu được bổ sung đã đạt kỷ lục vào năm 2024.

→ Định giá và giao dịch các-bon

73 cơ chế định giá carbon đang hoạt động trên thế giới. Hệ thống giao dịch phát thải của EU và Trung Quốc là những ví dụ điển hình.

→ Đối với công nghệ và chuyển đổi công nghiệp

Các công nghệ phát thải thấp như hydro xanh, lưu trữ năng lượng và CCUS.

→ Quản lý sử dụng đất đai

Các chính sách nhấn mạnh REDD+, nông nghiệp carbon thấp và bảo tồn đất ngập nước

Tập trung vào việc giảm thiểu thiệt hại và xây dựng khả năng phục hồi, mặc dù nguồn tài chính cho thích ứng chỉ chiếm dưới 10% tổng nguồn tài trợ cho khí hậu.



Cơ sở hạ tầng

70% các quốc gia thành viên OECD tích hợp các yếu tố khí hậu vào cơ sở hạ tầng và quy hoạch đô thị, bao gồm hệ thống thoát nước chống lũ và không gian xanh.



Hệ thống cảnh báo sớm

Hệ thống cảnh báo sớm (EWS) hiệu quả giúp giảm thiệt hại do thiên tai từ 30-50%. Đầu tư vào dữ liệu khí hậu và bảo hiểm rủi ro đang gia tăng, với các ví dụ từ Nhật Bản, Hàn Quốc và Bangladesh.



Năng lực cộng đồng và hệ sinh thái

Hỗ trợ các cộng đồng dễ bị tổn thương và bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên như rừng ngập mặn và rạn san hô là những giải pháp thích ứng dựa vào thiên nhiên hiệu quả về chi phí.

Pháp lý hóa mục tiêu phát thải ròng bằng 0

Các quốc gia đang chuyển từ các cam kết cấp cao sang các cam kết có tính ràng buộc pháp lý.

Quốc gia/ Khu vực	Tên luật / năm ban hành	Mục tiêu pháp lý chính	Cơ chế thể chế và giám sát	Đặc điểm và ý nghĩa
Vương quốc Anh	Climate Change Act (2008, sửa đổi 2019)	Net Zero năm 2050; giảm 100% phát thải so với mức 1990	Ủy ban Biến đổi Khí hậu (CCC) – cơ quan tư vấn độc lập báo cáo cho Quốc hội	Quốc gia đầu tiên trên thế giới ban hành luật về mức phát thải ròng bằng 0; thiết lập ngân sách carbon theo luật định trong 5 năm và báo cáo bắt buộc. Bản sửa đổi năm 2024 đưa ra nghĩa vụ pháp lý là phải điều chỉnh tất cả ngân sách carbon theo lộ trình 1,5 °C.
Pháp	Loi Énergie-Climat (2019)	Trung hòa carbon 2050, giảm 40% GHG vào 2030	Haut Conseil pour le Climat – Hội đồng khí hậu độc lập thuộc Văn phòng Thủ tướng	Lồng ghép mục tiêu khí hậu vào kế hoạch năng lượng, công nghiệp và tài chính công; quy định công khai báo cáo tiến độ
New Zealand	Climate Change Response (Zero Carbon) Amendment Act (2019)	Net Zero 2050 (trừ nông nghiệp); tăng khả năng thích ứng	Climate Change Commission – cơ quan độc lập tư vấn Chính phủ	Kết hợp cả giảm phát thải và thích ứng trong cùng luật; có mục tiêu riêng cho methane nông nghiệp
Đức	Federal Climate Protection Act (2019, sửa đổi 2021)	Giảm 65% phát thải năm 2030, Net Zero 2045	Hội đồng Chuyên gia về Khí hậu (ERK); Bộ Môi trường chịu trách nhiệm giám sát	Xây dựng ngân sách phát thải theo từng ngành (năng lượng, giao thông, công nghiệp); cơ chế xử lý nếu vượt hạn ngạch
Canada	Canadian Net-Zero Emissions Accountability Act (2021)	Net Zero 2050; mục tiêu trung hạn 2030, 2035, 2040	Cơ quan giám sát độc lập và Ủy ban Khoa học và Tư vấn khí hậu quốc gia	Quy định nghĩa vụ báo cáo tiến độ 2 năm/lần và kế hoạch 5 năm; chế tài đối với việc không đạt mục tiêu
EU	European Climate Law (2021)	Net Zero toàn khối năm 2050; giảm 55% GHG đến 2030	Ủy ban châu Âu (EC) giám sát & cơ chế “Fit for 55”	Ràng buộc pháp lý cho 27 quốc gia; cơ chế giám sát xuyên biên giới và tích hợp vào chính sách tài chính xanh
Hàn Quốc	Framework Act on Carbon Neutrality and Green Growth (2021)	Net Zero 2050; giảm 40% vào 2030	Ủy ban Tổng thống về Trung hòa Carbon và Tăng trưởng Xanh	Lồng ghép chính sách tài chính, năng lượng, công nghiệp, đổi mới công nghệ trong một đạo luật duy nhất

Hoàn thiện khung quản trị cho chuyển đổi xanh

Quá trình chuyển đổi xanh hiệu quả đòi hỏi sự phối hợp chính sách có mục đích, các thể chế vững mạnh và sự đồng thuận của xã hội. Quản trị hướng đến một nền hành chính công mạnh mẽ, thích ứng và hướng đến kết quả. Khung này giúp các quốc gia xây dựng các cơ chế quản trị công mạnh mẽ, nhất quán và hiệu quả, tích hợp các mục tiêu khí hậu trong toàn bộ chu trình chính sách.



Tài chính khí hậu

1 Ngân sách xanh

Ngân sách quốc gia chiếm 80% vốn khí hậu công toàn cầu. CPI (2025) ước tính rằng cứ mỗi 1 USD vốn ngân sách sẽ thu hút trung bình 7 USD từ các nguồn tư nhân.

2 Tài chính tư nhân

Tài chính tư nhân ngày càng trở thành trụ cột chính, đặc biệt là trong lĩnh vực giảm thiểu biến đổi khí hậu. Tốc độ tăng trưởng của tài chính khí hậu tư nhân vượt xa tốc độ tăng trưởng của khu vực công.

3 Thị trường tài chính xanh

Trái phiếu xanh, tín dụng xanh, bảo hiểm xanh và các sản phẩm bảo hiểm rủi ro thiên tai và khí hậu, tài chính chuyển đổi và tài sản đa chức năng dựa trên môi trường.

4 Tài chính hỗn hợp

Tài chính hỗn hợp đang nổi lên như một cơ chế trung tâm để huy động nguồn lực cho phát triển bền vững, đặc biệt là ở các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển (EMDEs).

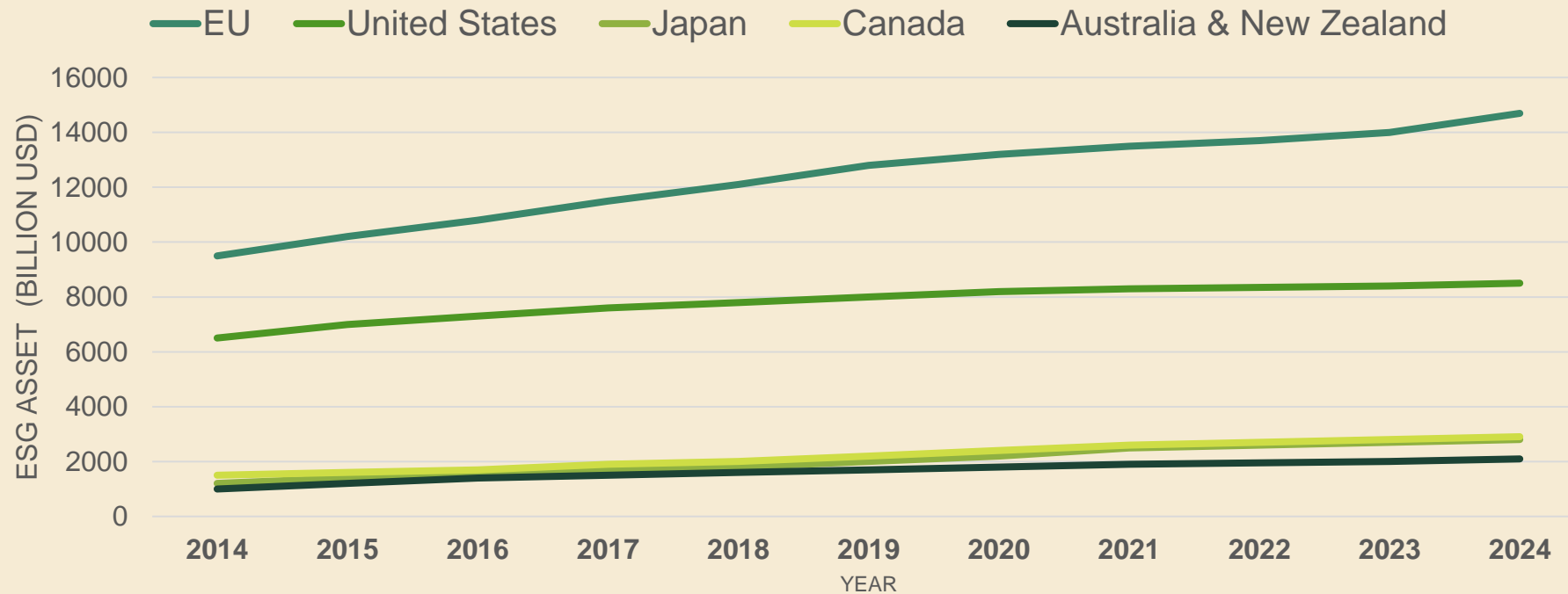
5 Cơ chế định giá các-bon

6 Các sáng kiến khác

Đầu tư ESG

Theo Liên minh Đầu tư Bền vững Toàn cầu (GSIA, 2024), tài sản đầu tư bền vững đã đạt 35,1 nghìn tỷ USD vào cuối năm 2024. Bloomberg Intelligence (tháng 11, 2025) dự báo rằng tài sản ESG được quản lý sẽ vượt quá 53 nghìn tỷ USD vào năm 2030, chiếm khoảng một phần ba tổng tài sản được quản lý trên toàn cầu.

Tăng trưởng tài sản đầu tư bền vững toàn cầu theo khu vực, 2014 - 2024,



Nguồn: Tác giả thu thập dựa trên GSIA (2024) và Bloomberg Intelligence (2025)

Bài học cho Việt Nam

Củng cố nền tảng quản trị

- Xây dựng một thể chế trung ương mạnh mẽ để điều phối khí hậu quốc gia.
- Thiết lập một khuôn khổ pháp lý về khí hậu ổn định, ràng buộc và dài hạn.
- Tăng cường giám sát độc lập, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.
- Thúc đẩy sự phối hợp theo chiều ngang và chiều dọc và với các đối tác xã hội.
- Quản trị khí hậu phải đi đôi với quản trị kinh tế vĩ mô và tài chính.

Thiết kế chiến lược tích hợp cân bằng giữa giảm thiểu, thích ứng và tài chính khí hậu

- Xây dựng chiến lược tích hợp cân bằng giữa giảm thiểu và thích ứng
- Thúc đẩy giảm thiểu thông qua công nghệ và thị trường
- Chuyển đổi thích ứng khí hậu từ phản ứng thụ động sang quản lý rủi ro chủ động
- Đảm bảo quá trình chuyển đổi công bằng, sự gắn kết xã hội trong giảm thiểu và thích ứng

Thúc đẩy thương mại xanh và chuỗi giá trị carbon thấp như những động lực tăng trưởng mới

- Coi chuỗi giá trị xuất khẩu bền vững là trụ cột cốt lõi của thương mại xanh
- Sử dụng các quy định kỹ thuật và tiêu chuẩn xanh
- Thương mại xanh đòi hỏi một cấu trúc tài chính – ngân sách hỗ trợ

Xây dựng hệ thống tài chính xanh đa tầng và thử nghiệm các công cụ đổi mới

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Chính phủ và tạo ra một bộ công cụ tài chính xanh hữu hiệu để thu hút vốn tư nhân
- Phát triển các quỹ đầu tư chuyển đổi xanh và huy động tài chính trung và dài hạn
- Thúc đẩy định giá carbon và phát triển thị trường carbon

Đảm bảo quá trình chuyển đổi công bằng và toàn diện

- Thiết kế các cơ chế hỗ trợ cho người lao động trong các ngành nhiên liệu hóa thạch
- Bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương thông qua hỗ trợ có mục tiêu
- Đầu tư vào cơ sở hạ tầng xanh và dịch vụ công cộng

3. Định vị Việt Nam trong xu hướng chuyển đổi xanh toàn cầu



Các cam kết lớn



COP26: Phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050

Cam kết tiên phong đưa Việt Nam trở thành một trong số các quốc gia dẫn đầu châu Á.



Hiệp định Paris

Cam kết giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu và tài trợ cho khí hậu.



Thỏa thuận Đối tác Chuyển đổi Năng lượng công bằng (JETP)

Đẩy nhanh quá trình chuyển đổi năng lượng sạch với gói hỗ trợ trị giá 15,5 tỷ đô la.



Đóng góp do Quốc gia tự quyết định cập nhật (NDCs)

Phản ánh các mục tiêu quốc gia được nâng cao đáng kể về giảm phát thải.





Khung khổ chính sách nhất quán cho tương lai xanh

Chiến lược

- Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh (2021-2030) tầm nhìn 2050
- Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến 2050
- Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia đến 2030 tầm nhìn 2045
- Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh (2021-2030)
- Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025

Nền tảng pháp lý

- **Luật Bảo vệ Môi trường (2020):** Tập trung vào các nguyên tắc kinh tế tuần hoàn, thiết lập khuôn khổ thị trường carbon và thúc đẩy các công nghệ sạch.
- **Luật Đất đai (sửa đổi năm 2024):** Tích hợp các yếu tố khí hậu vào quy hoạch sử dụng đất và nhấn mạnh bảo tồn sinh thái.
- **Luật Điện lực sửa đổi (2024):** Ưu tiên các Thỏa thuận Mua bán Điện trực tiếp (DPPA) và phát triển năng lượng tái tạo.
- **Luật Sử dụng Năng lượng Tiết kiệm và Hiệu quả (sửa đổi năm 2025):** Thiết lập các tiêu chuẩn hiệu quả năng lượng và cung cấp các ưu đãi cho việc sử dụng năng lượng bền vững.
- **Quyết định số 876/QĐ-TTg:** Phát triển hệ thống giao thông xanh.
- **Quyết định 21/2025/QĐ-TTg:** Quy định các tiêu chí môi trường và việc xác nhận các dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh.



Tăng cường năng lực cạnh tranh xanh

Việt Nam vận dụng chiến lược tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG), từ đó đảm bảo lợi thế kinh tế đáng kể.

Chỉ số năng lực cạnh tranh bền vững toàn cầu – GSCI (2023–2024)

- **Xếp hạng 38 toàn cầu, thứ 2 ASEAN.**
- Điểm mạnh chính: Vốn trí tuệ, Vốn xã hội, Phát triển kinh tế bền vững.
- Những thách thức cố hữu: Hiệu quả sử dụng tài nguyên, Vốn tự nhiên.

Năng lực cạnh tranh xanh cấp địa phương

- Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI): Thúc đẩy môi trường kinh doanh minh bạch.
- Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI): Thúc đẩy quản trị môi trường và các hoạt động xanh..



Đầu tư & Tài chính xanh

Để đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2040 ước tính cần 368 tỷ USD đầu tư (6,8% GDP mỗi năm).



Đầu tư công Xanh

Vốn nhà nước đóng vai trò là “vốn mồi” quan trọng, thúc đẩy phát triển trong lĩnh vực năng lượng và cơ sở hạ tầng nhưng vẫn phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn ưu đãi nước ngoài. Chưa có “ngân hàng khí hậu”, quỹ xanh quốc gia mạnh.



Vốn đầu tư tư nhân

Còn rất khiêm tốn so với nhu cầu của quá trình chuyển đổi. Các nhà đầu tư tư nhân vẫn thận trọng về những rủi ro cao liên quan đến công nghệ, thị trường và cơ chế định giá, thời gian hoàn vốn dài, sự hạn chế về các ưu đãi, công cụ chia sẻ rủi ro hoặc các chương trình chia sẻ chi phí từ phía Nhà nước.



Tài chính hỗn hợp thông qua JETP

Chương trình Đối tác Chuyển đổi Năng lượng Công bằng (JETP) cam kết 15,5 tỷ USD để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi năng lượng.



Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Dòng vốn FDI đang mở rộng, đặc biệt vào năng lượng tái tạo và các lĩnh vực xanh khác. Việt Nam đặt mục tiêu thu hút khoảng 20-30 tỷ USD vốn FDI hàng năm trong giai đoạn 2026-2030 và 30-40 tỷ USD mỗi năm trong giai đoạn 2031-2040.



Chính sách tài khóa xanh

Bao gồm thuế bảo vệ môi trường, ưu đãi thuế cho năng lượng tái tạo và đầu tư công cho thích ứng khí hậu. Tuy nhiên, đầu tư vốn nhà nước cho các dự án liên quan đến khí hậu, chủ yếu là thích ứng, chỉ chiếm khoảng 1,5% GDP, trong khi chi tiêu cho phòng chống thiên tai chỉ chiếm khoảng 0,3% GDP (CCDR, 2022).



Chính sách tài chính xanh mới nổi

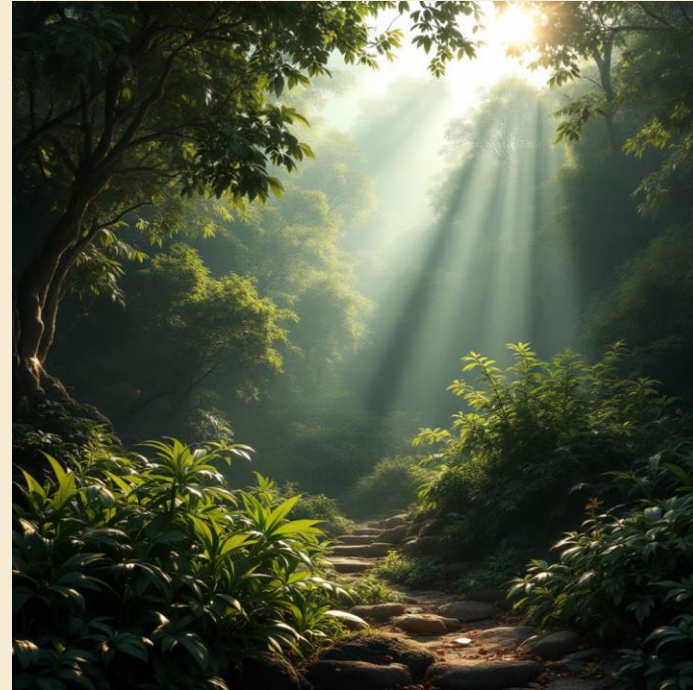
Lĩnh vực tài chính đang chứng kiến sự nổi lên của tín dụng xanh, trái phiếu Xanh, trái phiếu Xã hội và Bền vững (GSS), và cổ phiếu tập trung vào ESG.

Định vị Việt Nam trong chuỗi giá trị xanh



Lợi thế địa kinh tế - chính trị

- Cửa ngõ hàng hải chiến lược và cảng biển nước sâu
- Liên kề các trung tâm sản xuất lớn toàn cầu, khu vực
- Mạng lưới hiệp định thương mại tự do đa tầng



Lợi thế thiên nhiên

- Độ che phủ rừng hơn 40% là bể chứa các-bon tự nhiên
- Lợi thế năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió)
- Đa dạng sinh học cao, mang lại những cơ hội kinh tế sinh học đáng kể



Nguồn lực con người và xã hội

- Nhu cầu đối với sản phẩm xanh, hữu cơ gia tăng
- Kinh tế số hỗ trợ hậu cần tiên tiến và khả năng truy xuất nguồn gốc
- Nguồn nhân lực dồi dào với tiềm năng lực lượng lao động lành nghề

Các cơ hội

Cơ hội tài chính

- Tiếp cận nguồn lực tài chính quốc tế
- Huy động đầu tư tư nhân

Chuyển giao công nghệ và nâng cao năng lực

- Chuyển giao công nghệ và phát triển chuỗi cung ứng năng lượng sạch
- Xây dựng năng lực và nâng cao kỹ năng

Thị trường và chuỗi giá trị xanh

- Nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu
- Các lĩnh vực và dịch vụ xanh mới nổi
- Sự cộng hưởng với việc dịch chuyển chuỗi cung ứng “Trung Quốc+1”

Các thách thức

1

Các hạn chế trong lĩnh vực tài chính xanh

Khung pháp lý phân mảnh, nền tảng pháp lý chưa đầy đủ cho tài chính xanh và ngân sách xanh, thị trường vốn chưa phát triển, sự phát triển hạn chế của tín dụng xanh và các cơ chế chia sẻ rủi ro, sự chưa hoàn thiện của hệ thống MRV

2

Những trở ngại trong chuyển đổi chuỗi giá trị

Phụ thuộc vào các công đoạn có giá trị gia tăng thấp và sự phức tạp ngày càng tăng của các rủi ro thương mại như CBAM đặt ra những thách thức đáng kể.

3

Thách thức về công nghệ và dữ liệu

Năng lực triển khai hạn chế đối với các công nghệ sạch và các hệ thống dữ liệu rời rạc, phân mảnh cản trở tiến độ và hiệu quả.

4

Thiếu hụt về nguồn nhân lực

Tình trạng thiếu hụt kỹ năng và khoảng cách đào tạo trong các lĩnh vực kinh tế xanh trọng điểm hạn chế sự tăng trưởng và đổi mới.

4. Định hướng và khuyến nghị chính sách kinh tế - tài chính



Định hướng chiến lược cho chuyển đổi xanh

Tích hợp các trụ cột cốt lõi

Chuyển đổi xanh phải là trụ cột nền tảng của chiến lược phát triển quốc gia của Việt Nam, tích hợp các mục tiêu khí hậu vào tất cả các chiến lược và kế hoạch.

Xanh hóa cơ cấu kinh tế

Chuyển đổi từ lắp ráp giá trị thấp sang sản xuất công nghệ cao, phát thải thấp và nông nghiệp sinh thái.

Tăng cường năng lực thể chế

Củng cố khung pháp lý và thiết lập cơ quan điều phối trung ương về khí hậu và tăng trưởng xanh. Tích hợp chuyển đổi xanh với chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo.

Chuyển đổi công bằng và toàn diện

Thiết kế các chương trình toàn diện cho người lao động trong các ngành công nghiệp phát thải cao, bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương. Liên kết chính sách đầu tư xanh với các yêu cầu chuyển đổi công bằng và thị trường carbon.



Củng cố thể chế cho quá trình chuyển đổi xanh

01

Kiến trúc thể chế rõ ràng

Thành lập một cơ quan cấp cao, liên ngành để thống nhất định hướng chính sách và đảm bảo tính nhất quán.

02

Tích hợp các mục tiêu vào quy hoạch

Lồng ghép các mục tiêu chuyển đổi xanh vào các chiến lược và ngân sách phát triển quốc gia, khu vực và tỉnh.

03

Tăng cường phối hợp và tham gia

Thể chế hóa sự phối hợp liên bộ và thúc đẩy sự tham gia của khu vực tư nhân thông qua các diễn đàn đối thoại.

04

Củng cố khuôn khổ pháp lý

Hoàn thiện hệ thống phân loại xanh quốc gia, áp dụng các tiêu chuẩn báo cáo bền vững (ISSB/TCFD),

05

Đào tạo chuyển đổi xanh

Đào tạo các cán bộ cấp cao về tư duy chiến lược và ra quyết định tích hợp các yếu tố kinh tế xanh và biến đổi khí hậu. Đào tạo các cán bộ kỹ thuật các kiến thức, kỹ năng cần thiết về CDX và các kỹ thuật tài chính xanh.

06

Hệ thống dữ liệu tài chính - khí hậu

Thiết lập cơ sở dữ liệu quốc gia về chi phí, doanh thu và nợ liên quan đến khí hậu; một hệ thống MRV thống nhất.

Huy động nguồn lực tài chính: Chính sách tài khóa

1 Tăng chi tiêu công cho khí hậu

Mục tiêu đạt 2,5–3% GDP vào năm 2030, tập trung vào các dự án thích ứng và giảm thiểu tác động kép.

2 Xây dựng khung ngân sách xanh

Thể chế hóa việc gắn nhãn xanh, tích hợp các mục tiêu khí hậu vào khung chi tiêu và ra mắt Bảng hiển thị Ngân sách Xanh công khai.

3 Khuyến khích vốn đầu tư tư nhân

Phân bổ 30% đầu tư công mới cho các dự án được gắn nhãn xanh, sử dụng mô hình đồng tài trợ để huy động vốn tư nhân.

4 Tái cấu trúc hệ thống Thuế

Chuyển sang các ưu đãi thuế dựa trên hiệu quả và thiết lập lộ trình điều chỉnh phí môi trường đối với các sản phẩm phát thải carbon cao.

Phát triển thị trường tài chính xanh



Trái phiếu, tín dụng xanh

Thúc đẩy trái phiếu xanh, tín dụng xanh và các quỹ đầu tư bền vững với khung pháp lý thống nhất và cơ chế báo cáo minh bạch.



Khuôn khổ trái phiếu chuyển dịch

Phát triển trái phiếu chuyển dịch cho các ngành phát thải cao, yêu cầu lộ trình giảm phát thải rõ ràng và được xác minh độc lập.



Xếp hạng tài chính xanh & ESG

Thiết lập Hệ thống xếp hạng tài chính xanh minh bạch và cơ sở dữ liệu ESG quốc gia với SupTech/RegTech để giám sát tuân thủ.



Các công cụ đổi mới

Tận dụng các thỏa thuận Hoán đổi nợ thiên nhiên, Tài chính hỗn hợp và các Cơ chế thưởng gắn với ESG để thu hút vốn.

Thị trường các-bon và thu hút đầu tư

1

Thị trường các-bon trong nước

Thiết lập thị trường carbon trong nước hoạt động thí điểm 2025–2028 và hoạt động đầy đủ từ năm 2029.

2

Thu hút vốn FDI xanh

Tăng cường tính ổn định và khả năng dự báo của chính sách để thu hút FDI xanh chất lượng cao, liên kết các ưu đãi với công nghệ và mức độ phát thải carbon.

3

Xây dựng hệ sinh thái tài chính hỗ trợ

Xây dựng hệ thống phân loại xanh quốc gia, trái phiếu xanh, quỹ cơ sở hạ tầng để hỗ trợ dòng vốn xanh.

4

Cửa sổ Giảm thiểu Rủi ro xanh

Thiết lập Cửa sổ Giảm thiểu Rủi ro Xanh trong khuôn khổ các tổ chức tài chính công hiện có ưu tiên cho các dự án năng lượng và lưới điện.





CẢM ƠN VÌ ĐÃ LẮNG NGHE